

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LA

- 1 -
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2022/HS-ST

Ngày: 27 – 12 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ - TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2022/TLST-HS ngày 01/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

- Lê Văn T, tên gọi khác: Bảo, sinh năm: 1990, tại A; nơi đăng cư trú: ấp Tân Vọng, xã V, huyện T, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ và bà Trần Thị T; có vợ: Phan Thị Diễm My, sinh năm: 1997; có 02 con, lớn nhất sinh năm: 2017 và nhỏ nhất sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/10/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong và đã xóa án tích; bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giam từ ngày 02/10/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Mai Trung H, sinh năm: 1995;
Địa chỉ: Ấp 4, xã LC, huyện CĐ, tỉnh LA.
2. Chị Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm: 1993;
Địa chỉ: Ấp 5, xã NT, huyện TT, tỉnh LA.
3. Anh Lê Phạm Thanh K, sinh năm: 1996;
Địa chỉ: Ấp 3, xã Y, huyện TH, tỉnh LA.

- Nguyên đơn dân sự: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu M.

Địa chỉ: Ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh LA.

(Bị hại và nguyên đơn dân sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 23/3/2017, Đặng Ngọc D rủ Lê Văn T cùng với Nguyễn Thanh L và Phạm Quốc Kh cùng nhau đi tìm xe mô tô lấy trộm, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, D điều khiển xe mô tô hiệu Future màu xanh của D chở L, T điều khiển xe mô tô chở Khanh, tất cả cùng nhau đi từ TP. Hồ Chí Minh xuống địa bàn huyện CD, tỉnh LA để tìm nơi để xe sơ hở lấy trộm. Khi đến trước cổng Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu M ở Ấp 3, xã LC, huyện CD, tỉnh LA thì D và T phát hiện trong nhà xe công ty có nhiều xe mô tô đang đậu nên D gọi điện thoại cho Kh và L đến. Tại đây, Kh và T đi bộ đến phòng bảo vệ quan sát thì thấy bảo vệ đang ngủ. Lúc này, T ra hiệu cho Kh đi lại cổng rào rồi cùng với T trèo vào bên trong mở chốt cửa, đẩy cổng rào nhưng không được. Kh trèo ra và kêu L đến đẩy phụ thì mở được cổng ra. L và D đứng bên ra ngoài cảnh giới, còn T và Kh đi vào nhà xe để dắt trộm xe ra ngoài. Kh lấy xe mô tô biển kiểm soát 62L1-336.54 của anh Mai Trung H, T lấy xe mô tô biển kiểm soát 62L1-283.27 của chị Nguyễn Thị Hồng Ng, cả hai dẫn xe ra bên ngoài cổng. T tiếp tục quay vào trong nhà xe lấy trộm thêm xe mô tô biển kiểm soát 62C1-100.48 của anh Lê Phạm Thanh K dẫn bộ ra bên ngoài. T dùng đoạn bằng kim loại bẻ khóa 03 xe mô tô trên. Sau đó, D kêu T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 62L1-336.54 chạy về Kho 5 ở Quận 7, TP. Hồ Chí Minh gửi vào bãi xe rồi lấy phiếu giữ xe đưa cho D. Sau khi gửi xe trộm và lấy phiếu đưa cho D thì T thuê xe Honda ôm đi về nhà trọ ở Bình Dương ngủ. Khoảng 04 ngày sau, sau khi bán được xe, D điện thoại hẹn gặp T và chia cho T số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, D, L và Kh bị bắt và bị xử lý về tội Trộm cắp tài sản, còn T bỏ trốn đến ngày 02/10/2022 thì bị bắt theo Lệnh truy nã.

Tại Kết luận số 14/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CD kết luận: giá trị còn lại của 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 62L1 - 336.54 là 14.847.000 đồng; 01 (một) xe Yamaha Exciter, biển kiểm soát 62C1 - 100.48 là 44.175.000 đồng; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Ablade, biển kiểm soát 62L1 - 283.27 là 14.667.000 đồng. Tổng cộng trị giá 73.689.000 đồng.

- Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng với Kết luận điều tra và Cáo trạng. Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo thừa nhận lời khai của mình tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra là do bị cáo tự nguyện khai, bị cáo không bị bức cung hay dùng nhục hình để khai trái với ý chí của mình.

- Chủ tọa công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo thống nhất, không có ý kiến gì khác.

- Cáo trạng số: 55/CT-VKSCD ngày 30 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện CD truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CD vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ điểm a, e khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt Lê Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt bổ sung: Đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn T.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện CD nên không đề cập đến.

- Ý kiến của bị cáo đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không bị oan sai.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện CD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét về nội dung vụ án: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 23/3/2017, Lê Văn T cùng với Đặng Ngọc D, Nguyễn Thanh L và Phạm Quốc Kh thống nhất cùng nhau đi tìm xe mô tô lấy trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 01 giờ ngày 23/3/2017, T cùng với D, L, Kh lợi dụng đêm tối, lén lút vào nhà để xe của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu M ở Ấp 3, xã LC, huyện CD lấy trộm 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 62L1 - 336.54, 01

(một) xe Yamaha Exciter, biển kiểm soát 62C1 - 100.48 và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 62L1 - 283.27, tổng giá trị tài sản 03 (ba) xe mô tô trên là 73.689.000 đồng. Tất cả số tài sản chiếm đoạt trên giao cho D và đồng bọn đem bán rồi chia cho T số tiền 5.000.000 đồng. Các bị cáo Đặng Ngọc D, Nguyễn Thanh L và Phạm Quốc Kh đã được xét xử bằng một vụ án khác. Riêng Lê Văn T bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 02/10/2022, T bị bắt và đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

(Thời điểm bị cáo và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử hiện nay (ngày 27/12/2022) thì Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đang có hiệu lực thi hành và tội “Trộm cắp tài sản” được quy định hình phạt nhẹ hơn. Do đó, căn cứ điểm b, mục 1, Điều 2, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/7/2017 của Quốc Hội thì Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng).

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về hình phạt:

[5.1] Xét về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo Lê Văn T và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận biết tài sản hợp pháp của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ. Việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo lén lút chiếm đoạt là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt

nghiêm đề rắn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, mặc dù các bị cáo (Nguyễn Thanh L, Phạm Quốc Kh, Đặng Ngọc D đã được xét xử trước đây) không thừa nhận có sự bàn bạc từ trước, không có sự phân công vai trò, cấu kết chặt chẽ nhưng qua các vụ trộm đã thực hiện, có cùng phương thức thủ đoạn, lặp đi lặp lại theo quy luật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo có sự cấu kết với nhau, có phân công nhiệm vụ cho nhau trong việc thực hiện tội phạm. Trong đó, Nguyễn Thanh L, Phạm Quốc Kh và Đặng Ngọc D là các bị cáo chủ mưu, cầm đầu và rủ rê bị cáo Lê Văn T nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Đối với bị cáo Lê Văn T chỉ giúp sức tích cực cho bị cáo L, Kh và D để chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 73.689.000 đồng nên phải chịu hình phạt tương xứng với thiệt hại xảy ra. Khi biết các bị cáo khác bị bắt, bị cáo T đã bỏ trốn (từ năm 2017 đến ngày 02 tháng 10 năm 2022 mới bị bắt). Điều này gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan tố tụng và thể hiện là bị cáo không có ăn năn hối cải. Do đó, cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để rắn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5.2] Xét về hình phạt bổ sung: Đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện CD đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị mức xử phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 17/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện CD.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 136, Điều 260, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2022.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2021) để đảm bảo thi hành án.

[3] Căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan (nếu có);
- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND huyện CĐ;
- Cơ quan CSĐT CA huyện CĐ;
- Cơ quan THA Hình sự;
- Cơ quan THA dân sự huyện CĐ;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc